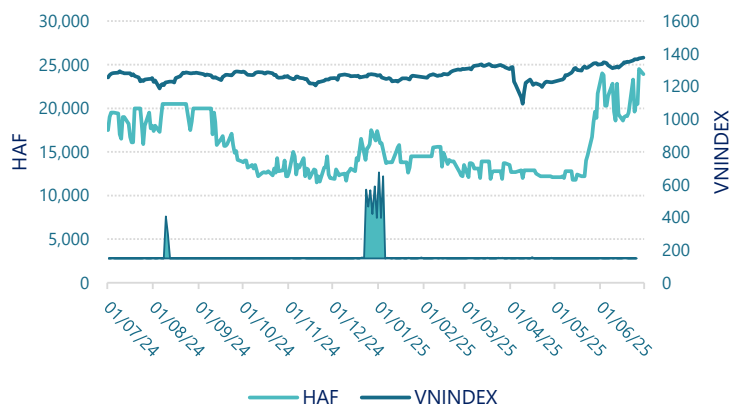


CTCP Thực phẩm Hà Nội (UPCOM: HAF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	23,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500
SL cổ phiếu LH	14,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,515
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	347
P/E	-35.0
EPS	-683

DT thuần

Q2/25

12.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.9| -46.4%

YoY: ▼7.10| -36.0%

LN sau thuế

Q2/25

-3.72

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.62| -19.8%

YoY: ▲ 0.86| 18.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-12.0%

DT thuần

6T 2025

36.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.90| -11.9%

LN sau thuế

6T 2025

-6.81

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.27| 15.7%

ROE

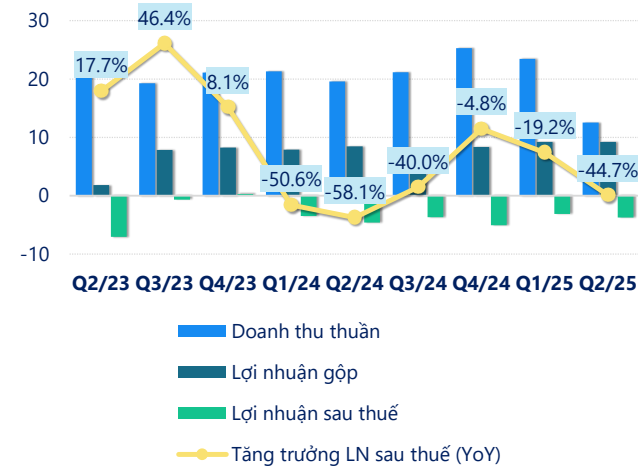
Q2/25

-6.9%

+/- YoY: ▼ 3.0%

tỷ VNĐ

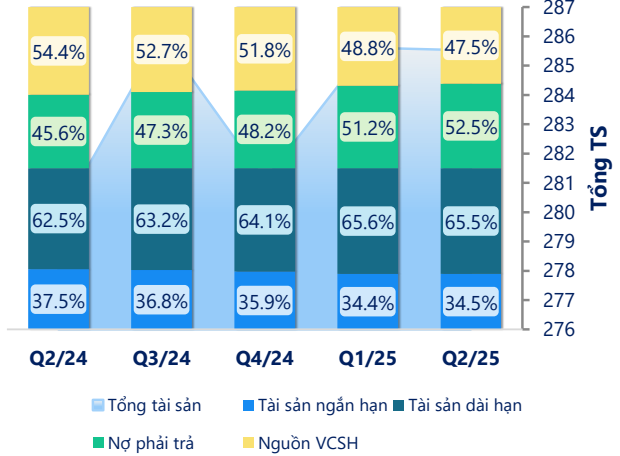
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

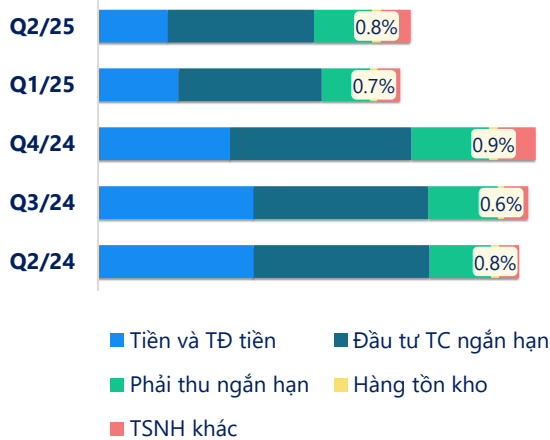
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



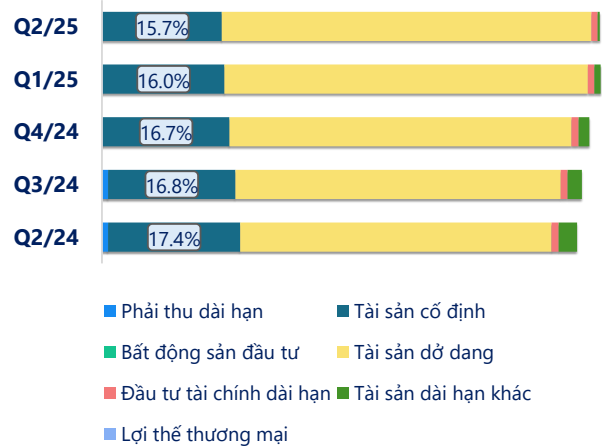
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

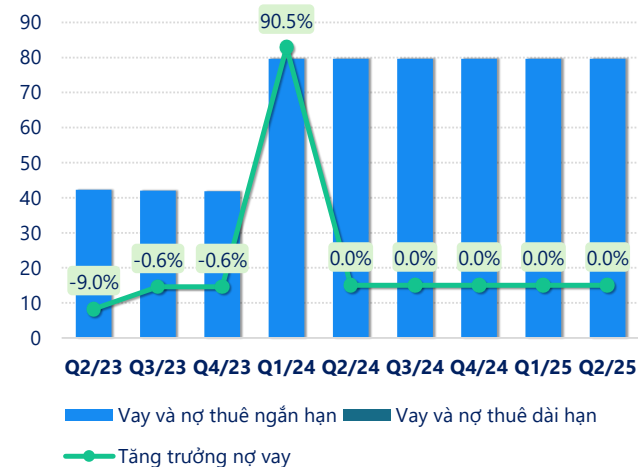
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

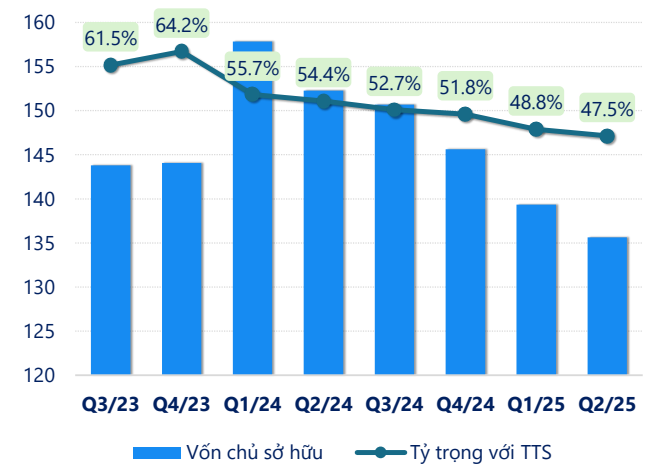
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

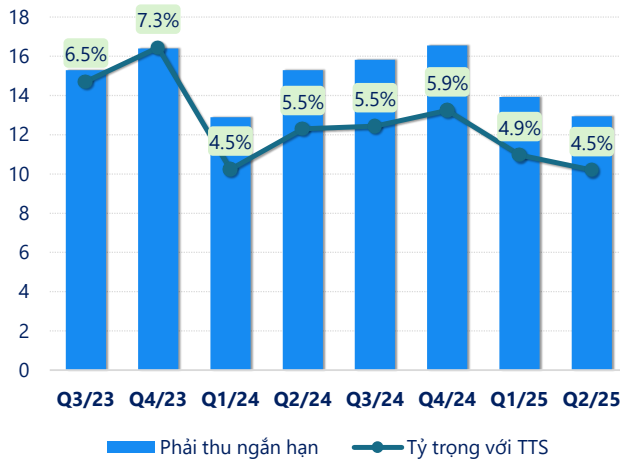
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



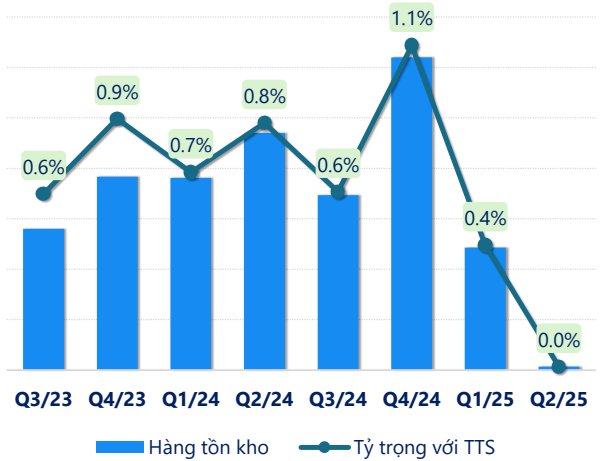
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


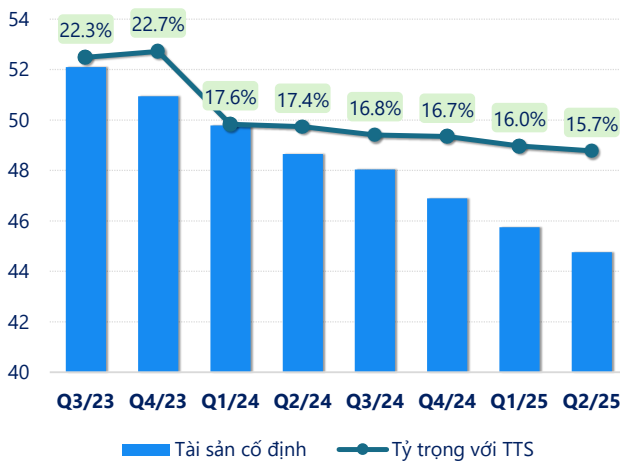
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


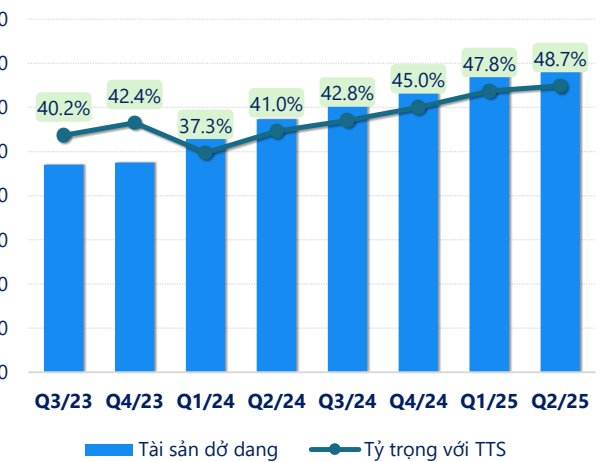
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

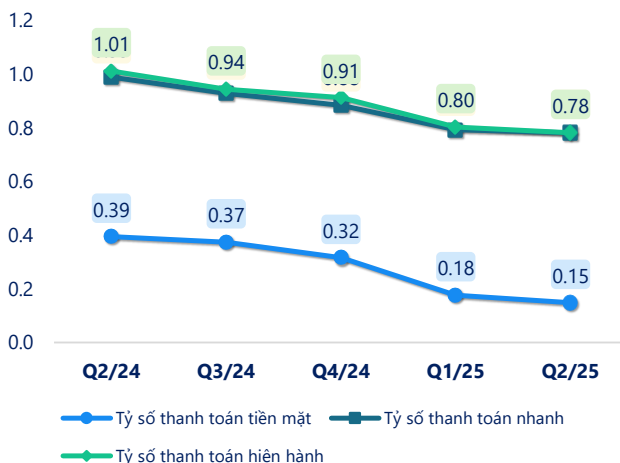
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

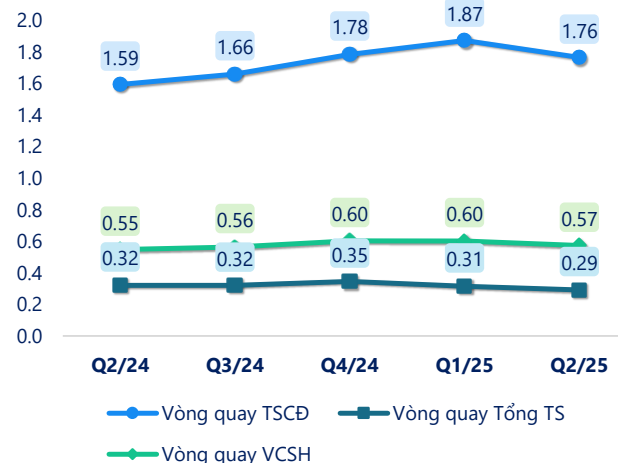
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	280	286	281	286	286
Tài sản ngắn hạn	105	105	101	98.2	98.4
Tiền và tương đương tiền	40.9	41.7	34.9	21.6	18.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.5	38.5	38.3	52.5	57.7
Phải thu ngắn hạn	15.3	15.8	16.6	13.9	12.9
Hàng tồn kho	2.35	1.74	3.10	1.21	0.03
Tài sản ngắn hạn khác	7.79	7.53	7.94	8.92	9.06
Tài sản dài hạn	175	181	180	187	187
Phải thu dài hạn	2.27	2.27	0.29	0.29	0.29
Tài sản cố định	48.7	48.0	46.9	45.8	44.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	115	122	127	137	139
Đầu tư tài chính dài hạn	2.62	2.62	2.62	2.46	2.28
Tài sản dài hạn khác	6.75	5.39	3.92	2.38	0.86
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	128	135	135	146	150
Nợ ngắn hạn	104	112	110	122	126
Vay và nợ thuê ngắn hạn	79.6	79.6	79.6	79.6	79.6
Phải trả người bán ngắn hạn	7.26	8.81	9.38	13.2	14.5
Nợ dài hạn	23.9	23.7	25.0	24.0	24.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	152	151	146	139	136
Vốn chủ sở hữu	152	151	146	139	136
Vốn điều lệ	145	145	145	145	145
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)